TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 16/2018/HSST Ngày 29 - 5 - 2018	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HOÁ

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trương Văn Khắc.

2. Bà Quách Thị Tình.

- ***Thư ký phiên toà:*** Ông Lê Văn Thịnh - Thư ký Toà án, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá tham gia phiên toà:*** Bà Tạ Thị Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 15/2018/TLST-HS ngày 19 tháng 4 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2018/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 5 năm 2018 đối với bị cáo:

Đỗ Trọng C; sinh ngày 20 tháng 11 năm 1988; tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi ĐKHKTT: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Thôn C, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: Đỗ Trọng T; con bà: Đỗ Thị D; có vợ là Lương Thị H; tiền sự: Không; tiền án: Không; Bị cáo bị tạm giữ 03 ngày, kể từ ngày 28/3/2018 đến ngày 31/3/2018. Sau đó được áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 31/3/2018 đến ngày 31/5/2018 tại xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Hiện bị cáo tại ngoại tại địa phương. Có mặt.

- *Bị hại:* Anh Nguyễn Văn Đ; sinh năm: 1980; nơi cư trú: Thôn Y, xã T, huyện Thạch T, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

- *Người làm chứng:* Ông Lương Đức K; sinh năm: 1959; nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng đầu năm 2018, Đỗ

Trọng C (SN 1988, trú tại thôn C, xã T, huyện T) kết bạn và nhắn tin qua lại với anh Nguyễn Văn Đ (SN 1980, trú tại thôn Y, xã Thạch B) trên trang mạng "BLUED" (trang mạng dành cho những người đồng tính). Đến khoảng 08 giờ ngày 28/3/2018, C và Đ hẹn gặp nhau ở quán nước gần sân vận động huyện T, tại đây, sau khi ngồi uống nước, nói chuyện khoảng 10 phút, Đ lấy tiền trong cốp xe mô tô trả tiền nước, rồi cả hai đi vào nhà nghỉ M ở khu 4, thị trấn K thuê phòng số 8 tầng 2 nhà nghỉ để quan hệ đồng tính. Do trước đó nhìn thấy anh Đ để tiền trong cốp xe, C nảy sinh ý định trộm cắp tài sản nên khi lên phòng nghỉ, Đ đòi quan hệ tình dục C lấy cớ không đồng ý, bỏ đi xuống tầng 1, ra khu vực để xe, quan sát thấy không có ai, C dùng tay trái nâng yên xe của Đ, tay phải móc vào bên trong cốp lấy trộm được một cọc tiền, rồi lên xe mô tô đi về nhà. Khi về đến nhà, C lấy cọc tiền vừa trộm ra đếm được 12.000.000 đồng, gồm các mệnh giá 500.000 đồng và 200.000 đồng, số tiền này C đã sử dụng 900.000 đồng chi tiêu cá nhân. Đến 14 giờ cùng ngày, C đã đến cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thạch Thành đầu thú, giao nộp số tiền còn lại 11.100.000 đồng.

Bị cáo Đỗ Trọng C khai nhận: Sáng ngày 28/3/2018, bị cáo và Đ cùng nhau đi ăn sáng. Sau khi ăn sáng xong, Đ trả tiền và đề nghị bị cáo vào nhà nghỉ tâm sự. Sau khi vào nhà nghỉ, bị cáo và Đ lên tầng 2 và vào phòng số 8, Đ kéo bị cáo lên giường nhưng bị cáo không đồng ý. Sau đó bị cáo đi xuống và móc cốp xe của Đ lấy được một cọc tiền. Bị cáo đi về nhà mở ra xem thấy có hai buộc tiền, đếm được 12.000.000đ (Mười hai triệu đồng), gồm mệnh giá 500.000đ và 200.000đ, chi tiêu cá nhân hết 900.000đ. Khoảng 14 giờ cùng ngày bị cáo đến Công an đầu thú và giao nộp số tiền còn lại là 11.100.000đ.

Người bị hại Nguyễn Văn Đ khai: Sau quá trình nhắn tin, nói chuyện với nhau qua mạng, đến sáng ngày 28/3/2018, Đ và C hẹn gặp nhau ở thị trấn K để nói chuyện. Đến khoảng 08 giờ cùng ngày, C và Đ hẹn gặp nhau ở quán nước gần sân vận động huyện T. Tại đây, sau khi ngồi uống nước, nói chuyện, Đ lấy tiền trong cốp xe mô tô trả tiền nước, Đ và C thống nhất đi vào nhà nghỉ M ở khu 4, thị trấn K để tâm sự và thuê phòng số 8 tầng 2 nhà nghỉ. Trong lúc Đ tắm thì C đi xuống, sau đó Đ ra không thấy thì có gọi điện thoại cho C nhưng không liên lạc được. Trên đường Đ đi về, có dừng lại mua thuốc lá thì phát hiện bị mất số tiền 12.000.000 đồng (Được buộc thành hai buộc, một buộc 10 triệu và một buộc hai triệu bao gồm mệnh giá 500.000đ và 200.000đ) để trong cốp xe. Đ đến công an huyện Thạch Thành trình báo sự việc.

Người làm chứng Lương Đức K khai: Vào khoảng 08 giờ 30 phút ngày 28/3/2018, khi đang ở quầy lễ tân thì có hai người đàn ông lạ mặt vào thuê phòng, hai người thuê phòng số 08 tầng 2, khoảng 05 phút sau thì một nam thanh niên đi xuống và đi ra khu vực để xe, nhưng làm gì thì ông không biết. Mấy phút sau thì người thanh niên còn lại đi xuống và gọi cho người kia nhưng không được. Người này trả tiền nhưng do mới vào nên ông không thu. Đi được một lúc, nam thanh niên này quay lại vào báo mất tài sản, nhưng không nói rõ là mất những gì, ông có mở lại camera cho nam thanh niên này xem và thấy rằng người nam thanh niên đi xuống trước đã móc cốp xe của người thanh niên này, còn lấy gì thì ông không rõ.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên toà, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, người làm chứng, phù hợp với vật chứng đã thu giữ được.

Tại bản cáo trạng số 16/CT-VKSTT, ngày 17/4/2018, Viện kiểm sát nhân dân (sau đây viết tắt là VKSND) huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá đã truy tố Đỗ Trọng C về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự (sau đây được viết tắt là BLHS).

Tại phiên toà, đại diện VKSND giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i,s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS; xử phạt Đỗ Trọng C từ 09 tháng đến 12 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng, tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị cáo và gia đình bị cáo đã tự nguyên giao nộp cho cơ quan điều tra 12.000.000đồng để bồi thường cho người bị hại; người bị hại đã được nhận lại toàn bộ tài sản nên không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm khoản nào khác, đề nghị miễn xét.

Về vật chứng: Quá trình điều tra, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, giao trả số tiền mà C cùng gia đình C đã giao nộp cho anh Đ, nên không xem xét.

Tại phiên tòa hôm nay, người bị hại Nguyễn Văn Đ không đồng ý với mức hình phạt mà đại diện VKS đề nghị áp dụng đối với bị cáo, anh cho rằng mức hình phạt mà VKS đề nghị là nhẹ so với hành vi của bị cáo gây ra, anh đề nghị HĐXX tuyên phạt bị cáo mức án nghiêm khắc hơn.

Trong lời nói sau cùng, bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội và đề nghị Hội đồng xét xử (sau đây viết tắt là HĐXX) cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và cho hưởng án treo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thạch Thành, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Khoảng 08 giờ ngày 28/3/2018, tại nhà nghỉ M thuộc khu 4, thị trấn K, huyện T, lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của anh Nguyễn Văn Đ, Đỗ Trọng C đã lén lút chiếm đoạt của anh Đ số tiền 12.000.000 đồng. Như vậy, có đủ căn cứ xác định bị cáo đã có hành vi phạm vào khoản 1 Điều 173 BLHS.

[3] Đây là vụ án thuộc trường hợp phạm tội ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương, gây hoang mang lo lắng cho quần chúng nhân dân trong việc quản lý tài sản, xâm phạm đến quyền sở hữu

tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ. Do vậy cần phải xử lý bị cáo một mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4] Về trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng, có 4 tình tiết giảm nhẹ là bị cáo và gia đình bị cáo tự nguyện giao nộp số tiền trộm cắp để trả cho người bị hại là đã bồi thường thiệt hại, khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đây là ba tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 BLHS; bị cáo đầu thú. Đây là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS, Hội đồng xét xử cần áp dụng để xem xét khi quyết định hình phạt đối với bị cáo.

[5] Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi thường trú rõ ràng; nếu để bị cáo ngoài xã hội cũng không ảnh hưởng gì đến việc đấu tranh phòng, chống tội phạm. Do đó không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần áp dụng Điều 65 BLHS cho bị cáo hưởng án treo cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã được nhận lại tài sản và không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm, nên miễn xét.

[7] Về vật chứng: Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng, giao trả số tiền bị mất cho anh Đ, nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[8] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì những lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Đỗ Trọng C phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 BLHS : Xử phạt Đỗ Trọng C 12(Mười hai) tháng tù. Cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 1 Điều 69 Luật Thi hành án hình sự.

Án phí: Áp dụng Điều 136 BLTTHS năm 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, bị cáo Đỗ Trọng C phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt bị cáo và người bị hại. Bị cáo và người bị hại có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- *Công an Thạch Thành;*
- *VKSND Thạch Thành;*
- *Bị cáo;*
- *Bị hại;*
- *Lưu HSVA.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Nguyễn Thị Cúc